TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 580/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2019
V/v : "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1408/2018/TLST–HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Nguyễn Minh H - sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp 1, xã Đ, Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Châu Thanh T - sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp 1, xã Đ, Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Nguyễn Minh H trình bày:

Bà và ông Châu Thanh T tự nguyện kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi cưới vợ chồng sống bên vợ, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 4/2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là ông T thường xuyên cờ bạc, gây nợ, không quan tâm vợ con, không có trách nhiệm với

gia đình, không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên tranh cải, vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 3/2018 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của bà chỉ còn là hình thức nên bà có nguyện vọng được ly hôn với ông T.

- Về con chung: có 01 trẻ tên Châu Mỹ N , sinh ngày 07/11/2009. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Toà án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Phía nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: vì đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, thành phố Hồ Chí Minh theo các qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 123/2009 quyển số I/BT ngày 05/9/2009 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận C cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn, bà H khai sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông T thường xuyên cờ bạc, gây nợ, không quan tâm vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên tranh cải, bà H đã không còn chung sống với ông T từ tháng 3/2018 cho đến nay, vợ chồng không còn tình cảm. Hội đồng xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông T vẫn cố tình tránh né không đến tòa án, không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về sống chung với nhau và hai người không chung sống từ tháng 3/2018 đến nay, một quãng thời gian khá dài mà hai bên không có biện pháp hàn gắn, mỗi người đã có cuộc sống riêng. Nhận thấy đời sống chung vợ chồng của bà H và ông T đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do vậy Hội đồng xét xử

căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà H, ông T có 01 trẻ tên Châu Mỹ N - sinh ngày 07/11/2009, hiện nay trẻ N đang sống với bà H nên bà H yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ N và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; trẻ N có nguyện vọng sống chung với bà H. Hội đồng xét thấy, yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của trẻ N, do đó có cơ sở chấp nhận, ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có

Về nợ chung: Đương sự khai không có.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm về phần thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nguyên đơn phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Nguyễn Minh H được ly hôn với ông Châu Thanh T.

2. Về con chung: Giao trẻ Châu Mỹ N , sinh ngày 07/11/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông T cho đến khi có yêu cầu của bà H.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án sẽ giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Nguyễn Minh H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai số 0004416 ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện H;
- Chi Cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng